

Bản án số: 06/2020/DS - ST

Ngày: 28 – 4 - 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Châu Văn Bằng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Minh Châu –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST-DS ngày 13/02/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-DS ngày 16/4/20120 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết L

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Phc, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có mặt tại Tòa).

- *Bị đơn:* 1. Bà Trần Thị C

2. Chị Cao Thị K

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt tại Tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị S

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2020 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Vào ngày 18/11/2018 dương lịch, bà Trần Thị C và chị Cao Thị K có vay của chị 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) để trồng dưa hấu, thời hạn cam kết 03

tháng trả. Tuy nhiên đến gần thời hạn trả nợ, chị K điện thoại cho chị nói trồng dưa bị thất mùa và hỏi vay tiếp của chị 72.000.000 đồng để nhận cổ đất trồng dưa thêm, có tiền sẽ trả hết nợ cho chị. Vì vậy, chị tiếp tục cho chị K vay 72.000.000 đồng vào ngày 12/01/2019 dương lịch. Tổng cộng hai lần vay là 102.000.000 đồng. Thời gian thỏa thuận 02 tháng sau trả đủ, lãi suất thỏa thuận miệng 5%/tháng. Sau khi bán dưa hấu, chị K chỉ qua trả được 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), chưa trả lãi, còn nợ lại số tiền gốc 82.000.000 đồng.

Nay chị Loan yêu cầu bà C, chị K trả số tiền còn nợ 82.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất vay, không yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn chị Cao Thị K trình bày: Chị thừa nhận chị và bà C có vay 30.000.000 đồng của chị L, có làm biên nhận vay tiền do chị viết tay, bà Chính và chị cùng ký tên. Lúc đầu chị L cho vay không lãi, hứa 02 tháng trả. Do đến hạn không có tiền trả nợ nên chị L tính lãi 30%/tháng. Tổng cộng tiền lãi thành 72.000.000 đồng, chị L buộc chị phải viết biên nhận và ký vay thêm 72.000.000 đồng nên chị đã viết và ký biên nhận vay thêm số tiền 72.000.000 đồng. Trong quá trình vay, chị đã trả cho chị L được 5.000.000 đồng vào ngày 10/12/2018 (âm lịch) do mẹ của chị L nhận tiền, lần thứ hai trả thêm 10.000.000 đồng vào ngày 27/12/2018 âm lịch do chị L nhận tiền, lần thứ ba trả 20.000.000 đồng vào ngày 23/3/2019 âm lịch do chị L nhận tiền. Trong ba lần trả nợ thì chỉ có lần thứ ba ký nhận trả.

Do số tiền ký nhận vay thêm 72.000.000 đồng là tiền lãi. Phần 30.000.000 đồng vay trước, chị và mẹ chị đã trả xong nên chị không đồng ý tiếp tục trả nợ cho chị L.

Bị đơn bà Trần Thị C trình bày: Bà Thống nhất với lời trình bày của chị K. Bà và chị K có vay 30.000.000 đồng của chị L và có ký biên nhận vay. Do đã trả đủ tiền vay 30.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị L.

Tại biên bản bản lấy khai, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà không biết việc vay mượn tiền giữa chị L với chị K, bà C, bà cũng không nhận được tiền của chị K trả cho chị L lần nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng quy định, các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhưng nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa thực hiện việc trả nợ. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn cư trú tại huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết.

[2] Về thủ tục tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với số tiền vay: Theo chị L, chị có cho chị K và bà C vay hai lần tiền, lần thứ nhất vay 30.000.000 đồng vào ngày 18/11/2018, lần thứ hai vay thêm 72.000.000 đồng vào ngày 12/01/2019. Tổng số tiền vay hai lần là 102.000.000 đồng. Về phía chị K và bà C thừa nhận có vay tiền lần thứ nhất 30.000.000 đồng vào ngày 13/10/2018 âm lịch (tức ngày 19/11/2018 dương lịch) có làm biên nhận nợ cho chị L. Còn lần vay thứ hai 72.000.000 đồng, chị K thừa nhận chị viết biên nhận và ký nhận vay thêm 72.000.000 đồng vào ngày 12/01/2019 nhưng chị K cho rằng đây là khoản tiền lãi của lần vay thứ nhất, không phải tiền vay thêm. Xét thấy chị K khai số tiền 72.000.000 đồng tiền lãi là không thuyết phục bởi theo chị K thì với lãi suất 30%/tháng, kể từ lần vay thứ nhất vào ngày 18/11/2018 đến lần vay thứ hai vào ngày 12/01/2019, cách nhau chưa được 02 tháng thì với số tiền gốc 30.000.000 đồng của lần vay thứ nhất, không thể nào tính lãi được số tiền 72.000.000 đồng (vì một tháng là 9.000.000 đồng tiền lãi), chưa kể đến việc chị K cho rằng trước khi ký vay tiền lần thứ hai, chị đã trả cho chị L được 15.000.000 đồng, trong đó tiền 5.000.000 đồng tiền “cà phê” cho chị L, còn 10.000.000 đồng trả tiền gốc thì tiền lãi còn giảm xuống thấp hơn. Bản thân chị K cho rằng đây là tiền lãi nhưng các lần chị khai không khớp với nhau và cũng không có cách nào tính ra được bằng số tiền lãi. Mặt khác chị K không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh số tiền 72.000.000 đồng là tiền lãi, cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc chị L ép buộc chị K phải viết, ký nhận nợ. Do đó, căn cứ vào biên nhận nợ do chính chị K viết và ký nhận để xác định chị K có vay thêm của chị L 72.000.000 đồng là phù hợp.

[3.2] Đối với số tiền đã trả và trách nhiệm trả nợ: Bà C và chị K cho rằng đã trả cho chị L được ba lần tiền, lần thứ nhất 5.000.000 đồng vào ngày 10/12/2018 (âm lịch), gửi cho mẹ của chị L, đây là số tiền trả tiền thù lao (tiền cà phê), lần thứ hai trả thêm 10.000.000 đồng vào ngày 27/12/2018 âm lịch do chị L nhận tiền, lần thứ ba trả 20.000.000 đồng vào ngày 23/3/2019 âm lịch do chị L nhận tiền. Chị L chỉ thừa chị K trả được một lần 20.000.000 đồng. Xét thấy tại tờ biên nhận nợ, phía dưới chị K có viết đã trả được 20.000.000 đồng. Điều này chứng tỏ giữa chị L và chị K khi vay đều có viết biên nhận nợ vay và khi chị K trả nợ, chị L trực tiếp đưa tờ giấy biên nhận nợ cho chị K ký trả phía dưới thể hiện được sự minh bạch, rõ ràng giữa vay và trả nợ. Nếu thực sự chị K có trả nợ hai lần trước thì đến lần trả nợ thứ ba chị K đã ghi tổng số tiền đã trả của hai lần trước vào biên nhận chứ không phải chỉ ghi trả có một lần thứ ba. Chị K không có căn cứ nào khác chứng minh đã trả cho chị L hai lần thứ nhất và thứ hai với tổng số tiền 15.000.000 đồng nên căn cứ vào lời thừa nhận của chị L cũng như việc ký nhận trả nợ của chị K để xác định chị K chỉ trả cho chị L được 20.000.000 đồng là phù hợp.

Do số tiền trả 20.000.000 đồng được chị K và bà C thừa nhận là khoản tiền chung nhưng chị L cho rằng đây là tiền của chị K, khi trả nợ chị K cũng không nói trả cho khoản nợ nào. Vì vậy số tiền chị K đã trả 20.000.000 đồng được chia đôi và trừ vào cả hai khoản vay chung và riêng của chị K là phù hợp. Như vậy, khoản vay lần thứ nhất vào ngày 18/11/2018 là 30.000.000 đồng được trừ 10.000.000 đồng chị K trả nợ, bà C và chị K còn phải tiếp tục liên đới trả cho chị L 20.000.000 đồng. Đối với khoản vay lần thứ hai 72.000.000 đồng vào ngày 12/01/2019, bà C không biết nên sau khi đã được trừ 10.000.000 đồng phần chị K trả, còn lại chị K tiếp tục phải trả 62.000.000 đồng cho chị L.

[3.3] Về lãi suất vay và khoản lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong gia đoạn thi hành án: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không buộc bị đơn phải trả.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà C và chị K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Tuy nhiên do bà C thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn án phí cho bà C, phần của chị K phải chịu

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn

1. Buộc chị Cao Thị K và bà Trần Thị C có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Tuyết L số tiền vay nợ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Buộc chị Cao Thị K phải trả cho chị Nguyễn Thị Tuyết L số tiền vay nợ 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng)

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cao Thị K phải chịu 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Bà Trần Thị C được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Tuyết L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.050.000 đồng tại biên lai số 0001438 ngày 13/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn (đối với phần có liên quan).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**